

Số: 03/2018/QĐST-HNGĐ

Bạch Thông, ngày 07 tháng 02 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 05/2018/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2018, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Th**, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện N, tỉnh Bắc K.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Đình H**, sinh năm: 1986.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã V, huyện B, tỉnh B.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 01 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 30 tháng 01 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Đình H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Đình H thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Đình H có 01 con chung là Nguyễn Thị Diễm Q, sinh ngày 25/01/2013. Hiện nay con khỏe mạnh,

phát triển bình thường. Khi ly hôn hai bên đương sự thỏa thuận giao con chung cho chị Nguyễn Thị Th được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến khi con chung đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn, anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Đình H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Đình H xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về vay nợ chung: Chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Đình H không có vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.6. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th tự nguyện chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền là 150.000^d (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*). Được trừ vào số tiền 300.000 đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí mà chị Th đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 08827 ngày 25/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh B. Hoàn lại cho chị Th số tiền 150.000^d (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*). Anh Nguyễn Đình H không phải chịu án phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- UBND xã V;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Lý Thị Thúy